

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/DS-ST

Ngày: 09-12-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Tú L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 154, đường Hòa Bình, khóm 4, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Ngô Văn S, sinh năm 1972. (theo Giấy ủy quyền ngày 26/01/2021). (Có mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 32, khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Lê Minh T, sinh năm 1977, là Luật sư thuộc Công ty Luật Thuận Hưng chi nhánh thành phố Cần Thơ – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 28, Trung tâm thương mại Cty 266, đường Nguyễn Đệ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 182A, khóm Đ, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: ông Lương Thanh S, sinh năm 1983. (theo Giấy ủy quyền ngày 16/4/2021). (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng Trà Dên, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 55B, đường Ấp chiến lược cũ, khóm Đ, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Ngô Văn S trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 22/12/2017, bà L cho ông B vay số tiền 995.451.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thực hiện đóng lãi hàng tháng, không xác định thời hạn vay khi nào bà L cần thu hồi lại vốn thì sẽ thông báo cho ông B trước 30 ngày để ông B lo tiền hoàn trả lại cho bà L.

Khi giao nhận tiền hai bên không xác lập hợp đồng vay tiền bằng văn bản mà ông B chỉ làm Giấy xác nhận đề ngày 22/12/2017 có nhận đủ số tiền trên nên trong Giấy xác nhận không có ghi thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B không đóng lãi, khi bà L đến nhà thông báo trực tiếp cho ông B lo tiền hoàn trả lại số nợ gốc và lãi phát sinh thì ông B viện nhiều lý do né tránh, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà L nên xảy ra tranh chấp.

Sự việc trên bà L có làm đơn khởi kiện ông B đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, do hợp đồng cho ông B vay tiền không có thời hạn, không ghi rõ lãi suất đồng thời bà L chưa thông báo bằng văn bản cho ông B biết trước một thời gian hợp lý nên bà L rút đơn khởi kiện và Tòa án ban hành Quyết định số 132/2020/QĐST-DS ngày 20/11/2020 về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 24/11/2020, bà L tiến hành thông báo bằng văn bản cho ông B yêu cầu ông B trả số tiền 995.451.000 đồng nhưng ông B không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông B trả cho bà số tiền 995.451.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 25/12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà L thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B trả cho bà số tiền 995.451.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 25/12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện trên.

Đối với nội dung trình bày của ông Thanh S tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2021 cho rằng khoản vay 995.451.000 đồng là của Công ty phần mềm Viễn Thông B và Shop Tú Lan không phải giao dịch giữa cá nhân và cá nhân là không đúng, thực tế năm 2012 giữa Công ty và Shop Tú Lan đã thỏa thuận xong, chấm dứt hợp đồng, Công ty trả đủ phần tiền vay của Shop Tú Lan nên bà L không khởi kiện Công ty. Đối với số tiền 995.451.000 đồng đó là tiền vay của cá nhân ông B.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Tú L, Luật sư Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được nội dung trình bày của ông Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thái B, ông Lương Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông B có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 10/5/2021: Vào năm 2011, ông B có lập Công ty TNHH MTV Công nghệ phần mềm Viễn thông B (viết tắt là Công ty), kinh doanh thiết kế Website và lắp đặt thiết bị camera. Do nhu cầu nguồn vốn nên Công ty tìm kiếm và kêu gọi vốn đầu tư tại thời điểm đó ông B quan biết và kết nghĩa với bà L là chủ Shop Tú Lan tại địa chỉ số 49 Hà Huy Tập, phường 3, thành phố B, tỉnh L. Trong quá trình quen biết bà L biết Công ty làm ăn chân chính và hiệu quả nên tự nguyện thỏa thuận lập hợp đồng vay vốn kiểu như hùn vốn có điều kiện với Công ty là có lợi nhuận lãi suất hàng tháng. Hai bên lập hợp đồng vay vốn bằng văn bản ngày 13/4/2012 với số vốn ban đầu là 316.000.000 đồng, chia làm 07 lần nhận vốn và tổng tiền lãi hàng tháng phía Công ty phải nộp cho bà L là 13.350.000 đồng. Đến ngày 16/4/2012, hai bên ghi nhận là Lan hỗ trợ thêm cho Công ty số tiền 3.000.000 đồng làm tròn tiền vốn là 320.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Thời điểm này Công ty hoạt động bình ổn nên hai bên tiếp tục thương lượng bà L hỗ trợ thêm số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 7%/tháng và chia làm nhiều đợt nhận vốn trong năm 2013.

Tổng cộng, Shop Tú Lan cho Công ty vay số tiền 420.000.000 đồng, lãi suất phía Công ty nộp hàng tháng từ ngày 09/12/2011 đến tháng 1/2014 mỗi tháng là 13.350.000 đồng. Năm 2014 do Công ty làm ăn thua lỗ và di chuyển trụ sở nên Công ty đề nghị bà L khoan vốn và lãi nhưng bà L không đồng ý. Ông B phải mượn nợ của ông Bông và trả nhiều lần tiền nợ gốc cho bà L với số tiền 120.000.000 đồng.

Đến ngày 22/12/2017, khi ông B đang làm việc tại Mỹ Tho thì bà L đến đòi nợ vay và lãi, bà L cộng số tiền vốn và lãi của hợp đồng ngày 13/4/2012 với số tiền là 995.451.000 đồng và bắt buộc ông B viết biên nhận. Trong lúc ông B đi làm xa không mang theo giấy tờ hợp đồng nên cũng không biết rõ tổng hợp vốn lãi. Số tiền 995.541.000 đồng là số tiền viết không, thực tế bà L không giao cho ông B bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy, đây là phần biên nhận không phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài khoản tiền vay 420.000.000 đồng mà Công ty đã vay của bà L sau khi ông B trả nợ gốc 120.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì Công ty không còn vay của Shop Tú Lan khoản tiền nào khác, số tiền 995.541.000 đồng là tiền vốn nhập lãi để yêu cầu ông B viết biên nhận.

Ông B yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông B chỉ còn nợ bà L 300.000.000 đồng là nợ của Công ty với Shop Tú Lan chứ không phải nợ của cá nhân bà L và ông B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tú L. Buộc ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 995.451.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 25/12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trịnh Tú L khởi kiện ông Nguyễn Thái B. Ông Nguyễn Thái B có nơi cư trú tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: bà Trịnh Tú L khởi kiện ông Nguyễn Thái B yêu cầu trả tiền vay. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Trịnh Tú L ủy quyền cho ông Ngô Văn S theo Giấy ủy quyền ngày 26/01/2021. Bị đơn ông Nguyễn Thái B ủy quyền cho ông Lương Thanh S theo Giấy ủy quyền ngày 16/4/2021.

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông Ngô Văn S tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lương Thanh S tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Thanh S, Luật sư Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung:

[5] Căn cứ nội dung Giấy xác nhận ngày 22/12/2017 có chữ ký của bên vay là ông Nguyễn Thái B. Tại biên bản đối chất ngày 27/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của ông B, ông Thanh S thừa nhận chữ viết và chữ ký tên tại Giấy xác nhận trên là của ông B nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà L và ông B đã xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 995.451.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất.

Ông Thanh S cho rằng ông B chỉ nợ bà L khoản tiền vay 420.000.000 đồng, đây không phải nợ cá nhân của ông B mà là tiền nợ giữa Công ty TNHH MTV Công nghệ phần mềm viễn thông B do ông B làm đại diện và Shop Tú Lan do bà Tú Lan

làm chủ. Đồng thời, ông B trả nợ gốc 120.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng, số tiền 995.541.000 đồng là tiền vốn nhập lãi mà bà L yêu cầu ông B viết biên nhận.

[6] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ mà người đại diện theo ủy quyền của ông B cung cấp, nhận thấy tại Giấy nộp tiền mặt ngày 04/7/2018 với số tiền 2.000.000 đồng, ghi nội dung ông B nộp tiền chuyển trả cho bà L nhưng không ghi rõ nội dung cụ thể trả cho khoản vay 995.541.000 đồng, Giấy nộp tiền mặt ngày 30/7/2015 ghi nội dung chuyển tiền 50.000.000 đồng nhưng việc chuyển tiền trên được thực hiện trước thời điểm ông B ký Giấy xác nhận ngày 22/12/2017 vay tiền bà L. Ông Thanh S cho rằng đây là nợ của Công ty và Shop Tú Lan nhưng phía bà L không thừa nhận, số tiền vay được ghi tại Hợp đồng vay vốn ngày 13/4/2012 giữa Công ty và Shop Tú Lan là 320.000.000 đồng và số tiền vay 995.541.000 đồng tại Giấy xác nhận ngày 22/12/2017 được xác lập giữa cá nhân bà L và ông B là khác nhau và ngoài nội dung trình bày của ông B thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh 02 khoản tiền trên là cùng 01 khoản vay giữa cá nhân ông B và bà L. Do đó, không có cơ sở xem xét ý kiến trình bày của ông B.

[7] Xét thấy, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Vì vậy, việc ông B không thanh toán số tiền 995.451.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông B trả số tiền còn nợ cho bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 25/12/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay được ký kết giữa các bên là hợp đồng vay không xác định thời hạn, phía bà L đã gửi thông báo đòi nợ ngày 24/11/2020 nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Như vậy, tiền lãi chậm trả từ ngày 25/12/2020 đến ngày 09/12/2021 là: $995.451.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 350 \text{ ngày} = 96.779.958 \text{ đồng}$.

[9] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông B có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 995.451.000 đồng và tiền lãi chậm trả 96.779.958 đồng. Tổng cộng là 1.092.230.958 đồng.

[10] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Tú L.

- Buộc ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Tú L số tiền 1.092.230.958 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thái B phải chịu 44.766.929 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Tú L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 20.931.765 đồng (*Hai mươi triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002090 ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên